

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN
TRƯỜNG THCS CHÍNH MỸ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên trường (theo quyết định mới nhất):** Trường THCS Chính Mỹ
- Địa chỉ:** Thôn 10, xã Quang Trung, thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng
Điện thoại: 02253 673 157
Địa chỉ thư điện tử: thcs-chinhmy@thuynghuyen.edu.vn
Website: <https://thcschinhmy.haiphong.edu.vn>
- Loại hình cơ sở giáo dục:** Công lập
Cơ quan chủ quản: UBND thành phố Thủy Nguyên
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:**

Trường THCS Chính Mỹ là một cơ sở giáo dục phổ thông, hoạt động trong khuôn khổ luật pháp của nhà nước và quy chế của ngành giáo dục, nhằm giáo dục đào tạo thanh thiếu niên theo yêu cầu đổi mới của xã hội, xu hướng hiện đại của thế giới và đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, hỗ trợ tốt nhất mọi nhu cầu học tập cá nhân, khuyến khích học sinh học tập trong môi trường bồi dưỡng và mang tính thử thách để các em phát huy hết tiềm năng, thúc đẩy các em học sinh năng động sáng tạo, tham gia nhiều lĩnh vực khác nhau như thể thao, nghệ thuật và vui chơi giải trí nhằm tiến tới giáo dục toàn diện, kết hợp “dạy chữ - dạy người - dạy nghề”, trở thành một cơ sở giáo dục chất lượng cao trong đó coi trọng giáo dục kỹ năng sống hiện đại nhưng vẫn mang đậm bản sắc dân tộc.

Đổi mới công tác quản lý; xây dựng, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên; lấy đổi mới căn bản phương pháp dạy và học theo hướng tích cực, phát triển năng lực cá nhân và phẩm chất người học làm cốt lõi. Xây dựng trường THCS Chính Mỹ trở thành trường học hạnh phúc, từng bước vươn lên trở thành trường học đổi mới, sáng tạo.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy - học; đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh với mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực của người học; tổ chức các hoạt động, mô hình giáo dục sáng tạo, đẩy mạnh hoạt động học sinh nghiên cứu khoa học, giáo dục STEM và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường. **Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng chất lượng công**

tác HSG và chất lượng thi vào lớp 10 THPT. Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở phù hợp với thực tiễn.

Quan tâm đúng mức và tạo sự chuyên biến rõ nét trong hoạt động giáo dục đạo đức, hạnh kiểm, kỹ năng, ý thức tự rèn luyện của học sinh. Sau khi học xong cấp trung học cơ sở học sinh có đủ phẩm chất và năng lực quy định tại chương trình giáo dục bậc học, học sinh biết điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường THCS Chính Mỹ có tiền thân là trường cấp 1, 2 xã Chính Mỹ được thành lập năm 1966 do Nhà giáo Nguyễn Văn Sách làm hiệu trưởng. Sau đó trường được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Chính Mỹ.

Ngày 24 tháng 07 năm 1993 trường được chia tách theo quyết định số 266/QĐ-UBND huyện Thủy Nguyên về việc giải thể và thành lập một số trường THCS, trường được tách thành trường THCS Chính Mỹ. Khi mới thành lập trường có 02 phòng xây dựng bằng tranh tre, vách đất bùn rơm nằm trong khe núi đội 3, phòng làm việc của Ban giám hiệu phải mượn nhà dân để làm cơ sở làm việc. Năm 1970, trường được chuyển về học tại chùa Mỹ Cự, thôn 10 xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có tổng diện tích là 1.750m².

Thời gian đầu, cơ sở vật chất còn thiếu, chỉ có 04 phòng học được sửa lại từ nhà kho của Hợp tác xã nông nghiệp.

Tháng 08 năm 2010, trường được tiếp nhận ngôi trường mới rộng 10.000m² tại thôn 10 xã Chính Mỹ.

Năm 2013, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, chính quyền và nhân dân địa phương, trường từng bước được đầu tư và xây dựng khang trang, sạch đẹp hơn, với diện tích 10.000m². Trường được xây dựng đồng bộ đảm bảo đủ về diện tích, cơ cấu phòng học, phòng chức năng, sân chơi, sân tập, khuôn viên tạo nên môi trường giáo dục xanh, sạch, đẹp và an toàn. Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và Trường chuẩn Quốc gia cấp độ 1.

Hiện nay, trường có 34 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong đó có 27 giáo viên trực tiếp giảng dạy, 94% có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, 04 đồng chí có trình độ Trung cấp lý luận chính trị, 15 đồng chí là đảng viên, 01 đồng chí đã được UBND thành phố tặng bằng khen và nhiều đồng chí được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, các thế hệ thầy và trò nhà trường luôn bồi dưỡng tư tưởng chính trị, không ngừng phấn đấu, học tập để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Chi bộ nhà trường liên tục đạt Chi bộ Đảng trong sạch vững mạnh. Thầy và trò nhà trường đã đạt được nhiều kết quả rất đáng tự hào. Nhà trường ngày

càng có nhiều thầy cô đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi, học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi các cấp. Chất lượng giáo dục đại trà từng bước nâng lên, đạt mặt bằng chung của huyện; tỷ lệ tốt nghiệp THCS hàng năm đạt 100%; tỷ lệ thi đỗ vào 10 công lập hàng năm đạt từ 80% đến 90%. Nhà trường liên tục nhiều năm liền đạt danh hiệu thi đua Tập thể Lao động tiên tiến. Công đoàn nhà trường đã được nhận Giấy khen của Liên đoàn Lao động huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng, Liên đội vững mạnh xuất sắc cấp thành phố.

Trong quá trình phát triển, trường THCS Chính Mỹ đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng của đơn vị trong khối các trường THCS của huyện Thủy Nguyên. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường ổn định nhiều năm, vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ, tâm huyết trách nhiệm với công việc được giao. Hằng năm, trường đều có giáo viên tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp thành phố và đều đạt thành tích cao. Đã có nhiều cán bộ, giáo viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp thành phố. Đặc biệt, trong nhiều năm qua nhà trường đều có học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp huyện, cấp thành phố; tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THCS luôn đạt từ 100%; tỷ lệ đỗ vào các trường THPT đạt từ 90-95%; Các tổ chức Công đoàn, Đội thiếu niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển trường có bề dày truyền thống lịch sử và khẳng định vị thế của mình. Năm học 2024-2025, trường có 33 cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động (trong đó 94% giáo viên đạt chuẩn, 04 đồng chí có trình độ Trung cấp chính trị, 03 đồng chí là Thạc sĩ). Trường có 761 học sinh chia thành 18 lớp. Kết quả rèn luyện: Học sinh xếp loại Tốt đạt 98,69 % và Kết quả học tập học sinh xếp loại Tốt: **28.38%**, học lực khá 51,12% .

Năm học 2024-2025, Nhà trường có 04 là chiến sĩ thi đua cơ sở; 20 cán bộ giáo viên, nhân viên công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, và 01 giáo viên được Liên Đoàn Lao động Thành Phố Thủy Nguyên tặng Giấy khen. Nhà trường được công nhận là Tập thể Lao động tiên tiến; Công Đoàn: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Đội Thiếu niên: Xuất sắc.

6. Thông tin người đại diện

Nguyễn Thị Hương - Chức vụ: Hiệu trưởng

Nơi làm việc: Trường THCS Chính Mỹ

Điện thoại: 0982221589

Hòm thư điện tử: huongmt.edu@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động: 32

Trong đó + BGH: 02 đ/c (02 đồng chí trình độ thạc sĩ)

+ Nhân viên: 02 đ/c (01 kế toán, 01 bảo vệ); Còn thiếu 1 nhân viên thư viện;
01 Phụ tá thí nghiệm.

2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ	0												
4	Nhân viên y tế	0												
5	Nhân viên thư viện	0												
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0												
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0												

- 100% CB-GV-NV hoàn thành bồi dưỡng chuyên môn hàng năm theo quy định cụ thể như sau:

Số TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bồi dưỡng chương trình GDPT 2018	Cán bộ, GV	30	- Bồi dưỡng về chương trình GDPT mới	Bồi dưỡng theo các Modul	
2	Bồi dưỡng chương trình chuyển đổi số	CB, GV	30	Chuyển đổi số trong trường học	Trực tuyến	
3	Đào tạo nâng chuẩn	GV có nhu cầu đạt chuẩn	01	- Đại học Văn	Tại chức	Đại học

- 100% CB-GV-NV có phẩm chất đạo đức tốt; nhiệt tình và tâm huyết với nghề.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Tổng diện tích toàn trường là 10.000m², tỷ lệ bình quân trên 13m²/mỗi học sinh.
- Tổng số phòng học văn hoá là 18/phòng/18 lớp và 02 phòng học bộ môn. Nhà trường có Thư viện đạt chuẩn quốc gia, khu hiệu bộ đủ các phòng Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, Kế toán, Thủ quỹ, Công đoàn, Phòng tiếp dân, Phòng hội trường, Phòng y tế học đường, Phòng truyền thống, Phòng Đoàn-Đội, phòng họp cho các tổ.
- Toàn trường có 32 máy vi tính (trong đó có 04 máy tính xách tay): Phòng tin học 25 máy dành riêng cho học tin và được kết nối Internet, 03 máy vi tính kèm theo 05 máy in cho các bộ phận chức năng. Trường có 01 máy Projector, 18 ti vi 65,70 inches trong các phòng học, như vậy 100% các phòng học và phòng thực hành có đủ máy chiếu đa

năng hoặc ti vi và các thiết bị phục vụ cho dạy và học. 100% các phòng học đều có bàn ghế đúng tiêu chuẩn, trang trí đúng qui cách đảm bảo phòng học thoáng mát, sạch đẹp.

Số TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	18	Số m2/HS
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	18	1,4
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	2	1,4
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	43	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	10.000	14.38 m2/HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	6.100	7.86 m2/1HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	45-65	1.49 m2 /1 HS
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	65	1.49 m2 /1 HS
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	22	-
3	Diện tích thư viện (m ²)	75	-
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	-
5	Diện tích phòng khác (Hội trường) (m ²)	130	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	03	1/3
1.2	Khối lớp 7	03	1/3
1.3	Khối lớp 8	03	1/3
1.4	Khối lớp 9	03	1/3
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	03	1/3
1.2	Khối lớp 7	03	1/3
1.3	Khối lớp 8	03	1/3
1.4	Khối lớp 9	03	1/3

3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25	2 học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	18	18/18
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Bộ loa máy	02	
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	0	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01		2/2		0,24
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		0

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

- Danh mục sách giáo khoa được sử dụng trong nhà trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

Lớp 6:

TT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 6	Kết nối tri thức	Hà Huy Khoái	Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ văn 6	Kết nối tri thức	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 6		Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam

4	Giáo dục công 6	Cánh diều	Trần Văn Thắng	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
5	Khoa học tự nhiên 6	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn	Đại học Sư phạm
6	Lịch sử - Địa lí 6	Kết nối tri thức	Vũ Minh Giang	Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 6	Kết nối tri thức	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 6	Cánh diều	Nguyễn Tất Thắng	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
9	Âm nhạc 6	Kết nối tri thức	Hoàng Long	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 6	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 6	Cánh diều	Lưu Quang Hiệp	Đại học Sư phạm
12	Hoạt động trải nghiệm 6	Chân trời sáng tạo	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo dục Việt Nam

Lớp 7:

TT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ văn 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 7	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục công dân 7	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Đại học Huế
5	Khoa học tự nhiên 7	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn	Đại học Sư phạm
6	Lịch sử - Địa lí 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang, Đào Ngọc Hùng	Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 7	Cánh diều	Nguyễn Tất Thắng	ĐH SPTP Hồ Chí Minh
9	Âm nhạc 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 7	Chân trời sáng tạo 2	Nguyễn Thị May	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 7	Cánh diều	Lưu Quang Hiệp	Đại học Sư phạm
12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 7	Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên	Giáo dục Việt Nam

Lớp 8:

TT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Duy Khoái	Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ văn 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 8	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục công dân 8	Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản GDVN
5	Khoa học tự nhiên 8	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn	Đại học Sư phạm
6	Lịch sử - Địa lí 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang, Đào Ngọc Hùng	Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 8	Cánh diều	Nguyễn Trọng Khanh	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản GDVN
9	Âm nhạc 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 8	Chân trời sáng tạo 2	Nguyễn Thị May	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 8	Cánh diều	Đinh Quang Ngọc	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản GDVN
12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 8	Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo dục Việt Nam

Lớp 9:

TT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ văn 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 9	Tiếng anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục công dân 9	Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	ĐH Huế
5	Khoa học tự nhiên 9	Cánh Diều	Đinh Quang Báo	ĐH Sư phạm
6	Lịch sử và Địa lí 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang	Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam

8	Công nghệ 9	Cánh Diều - Định hướng nghề nghiệp - Mô đun lắp mạng điện trong nhà	Nguyễn Trọng Khanh	ĐHSP TP Hồ Chí Minh
9	Âm nhạc 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long	Giáo dục Việt Nam
10	Mỹ thuật 9	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 9	Cánh Diều	Đình Quang Ngọc	ĐH Sư phạm
12	HĐTN hướng nghiệp 9	Chân trời sáng tạo 1	Đình Thị Kim Thoa	Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trong 5 năm liên tiếp hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục của trường THCS Chính Mỹ đều ổn định. Chất lượng học sinh giỏi, chất lượng thi vào 10 có sự chuyển biến theo từng năm. Để có được điều đó, nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học được cụ thể hóa bằng việc phân công chuyên môn phù hợp đối với mỗi giáo viên, xây dựng thời khoá biểu cho từng khối lớp đảm bảo tính khoa học, hợp lí đúng quy định. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT, rèn kỹ năng sống, giữ gìn vệ sinh môi trường đa dạng phong phú. Nhà trường đã huy động toàn thể giáo viên và học sinh cùng tham gia. Đội ngũ giáo viên đã không ngừng tự học, tự bồi dưỡng về chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học. Trong những năm học tiếp theo nhà trường sẽ tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được và khắc phục những tồn tại, phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục xứng đáng với niềm tin của phụ huynh học sinh.

Dựa trên bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường Trung học (ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) gồm 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí và 84 chỉ báo, nhà trường đã tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của mình trên tất cả các mặt hoạt động một cách nghiêm túc, đảm bảo khách quan, quy trình đánh giá. Kết quả đánh giá được tổng hợp như sau:

Tiêu chí	Mức 1		Mức 2	
	Đạt	Không Đạt	Đạt	Không Đạt
Số lượng	28	0	25	03
% đạt	100%	0%	83%	17%

Trường THCS Chính Mỹ, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1 năm 2013.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Năm học qua chất lượng giảng dạy của nhà trường được đánh giá thực chất, ổn định tỷ lệ học sinh khá, giỏi. Thực hiện tốt công tác giáo dục toàn diện cho học sinh. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

- **Học sinh giỏi cấp thành phố:** 02 giải văn hóa

- **Học sinh giỏi cấp huyện:** 11 giải trong đó 10 giải văn hóa; 01 giải viết thư pháp.

Kết quả hai mặt giáo dục.

* **Hạng kiểm:** Tốt 751 = 98,69%; Khá 09 = 1,18%; Trung bình: 0

* **Học Lực:** Tốt: 224 = 29,43%; Khá 381 = 50,07%; Đạt: 155 = 20,37%; Chưa đạt: 01 = 0,13%

* **Học sinh giỏi xuất sắc:** Toàn trường có 16 học sinh. Khối 6: 07 em, Khối 7: 05 em, khối 8: 02 em, khối 9: 02 em

* **Tỉ lệ lên lớp:** 99,87%

* **Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp:** 150/150=100%

* **Thi tuyển sinh vào lớp 10:** Số học sinh dự thi 85,3%.

Điểm trung bình môn Văn: 6,73

Điểm trung bình môn Toán 6,28

Điểm trung bình môn Anh: 5.66

+ Số HS thi đỗ: 110/118 em, đạt tỷ lệ 92,3%.

Về thi đua trong toàn cấp THCS Ngành GD. Trường THCS Chính Mỹ được công nhận tập thể LĐTT.

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I.1	Số học sinh chia theo hạng kiểm (áp dụng đối với HS được đánh giá theo thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	0	0	0	0	0
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
I.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với HS được đánh giá theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	761	203	235	173	150
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	98.69	99,51	97.45	99,42	96,67
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1,31	0,49	2.55	0,58	3,33
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II.1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với HS được đánh giá theo thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	0	0	0	0	0
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II.1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với HS được đánh giá theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	761	203	235	173	150
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	28,38	25,62	27,23	26,01	36,67
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	51,12	48,28	51,49	53,18	52
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	20,37	26,11	21,28	20,23	11,33
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0,6	0
II.1	Tổng hợp kết quả cuối năm	761	203	235	173	150
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	760	100%	100%	99,42%	100%
1.1	Áp dụng đối với HS được đánh giá theo thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011	0	0	0	0	0
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
1.2	Áp dụng đối với HS được đánh giá theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021	761	203	235	173	150
a	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	26,15	22,17	25,11	24,86	34,67
b	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	2,1	3,45	2,13	1,16	1,33
2	Thi lại/học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0,1	0	0	0,6	0

4	Chuyên trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	0,06	0,04	0,08	0,11	0
5	Chuyên trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	0,07	0,04	0	0,22	0,05
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0,91	0,09	0	0,17	0,13
IV	Số HS đạt giải các kỳ thi HS giỏi	13	0	1	0	12
1	Cấp tỉnh/thành phố	2	0	0	0	2
2	Cấp huyện	11	0	1	0	10
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	150	0	0	0	150
VI	Số HS được công nhận tốt nghiệp	150	0	0	0	150
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ THPT công lập (tỷ lệ so với tổng số)	107	0	0	0	107
VIII	Số học sinh vào các trường ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số HS dự thi)	43	0	0	0	43
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	387/374	98/105	122/113	94/79	73/77
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	3	0	1	1	1

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Số TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí năm học 2024-2025		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	215.078.000	
1.2	Mức thu : 62.000đ/HS (thành phố cấp)		
1.3	Tổng số được cấp trong năm học 2024-2025	441.304.000	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	656.382.000	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	656.382.000	
1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Bổ sung chi lương và thanh toán tiền thừa giờ	19.992.000	
	- Chi thu nhập tăng thêm cho CB, GV, NV	0	

	- Chi nghiệp vụ chuyên môn, chi khác	308.337.526	
1.7	Số dư cuối năm	328.052.474	
2	Dạy thêm học thêm	1.601.454.000	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
2.1.2	Mức thu: 9.000đ/tiết		
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1.601.454.000	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.601.454.000	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	1.601.454.000	
2.1.6	Số chi trong năm	1.601.454.000	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp, công tác chỉ đạo, quản lý	1.347.614.200	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	16.053.840	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	138.486.437	
	- Chi phúc lợi	99.299.523	
2.1.7	Số dư cuối năm	0	
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)		
4	Gửi xe học sinh	92.650.000	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
4.1.2	Mức thu (xe đạp: 25.000đ/tháng, xe đạp điện: 40.000đ/tháng)		
4.1.3	Tổng số thu trong năm	92.650.000	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	92.650.000	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	92.650.000	
4.1.6	Số chi trong năm	92.650.000	
	Trong đó: - Chi cho người trông xe	71.000.000	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	9.265.000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	12.385.000	
4.1.7	Số dư cuối năm	0	
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học		
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, đồng phục, sách vở, nước uống		
6.1	BHYT		
6.1.1	Số học sinh	761	
6.1.2	Mức thu: 884.250đ/hs/năm		
6.1.3	Tổng thu	637.544.250	

6.1.4	Đã chi	638.428.500	
6.1.5	Âm	884.250	
6.2	Đồng phục		
6.2.1	Số học sinh		
6.2.2	Mức thu		
6.2.3	Tổng thu		
6.2.4	Đã chi		
6.2.5	Dư		
6.3	Sách giáo khoa	308.137.000	
6.3.1	Số học sinh		
6.3.2	Mức thu		
6.3.3	Tổng thu	308.137.000	
6.3.4	Đã chi	308.137.000	
6.3.5	Dư	0	
6.4	Vở viết học sinh	88.790.000	
6.4.1	Số học sinh		
6.4.2	Mức thu		
6.4.3	Tổng thu	88.790.000	
6.4.4	Đã chi	88.790.000	
6.4.5	Dư	0	
6.5	Nước uống	67.800.000	
6.5.1	Số học sinh	678	
6.5.2	Mức thu: 100.000đ/năm		
6.5.3	Tổng thu	67.800.000	
6.5.4	Đã chi	67.800.000	
6.5.5	Dư	0	
II	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
1	Ngân sách nhà nước		
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	9.288.000.000	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	- Dự toán được giao trong năm	9.288.000.000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	7.946.000.000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	1.342.000.000	
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	9.288.000.000	

	- Kinh phí quyết toán 6T đầu năm 2024	4.636.607.445	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang 6T cuối năm sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	4.651.392.555	
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên	187.831.000	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	Dự toán được giao trong năm	187.831.000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	14.000.000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	173.831.000	
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	187.831.000	
	- Kinh phí quyết toán 6T đầu năm 2024	187.831.000	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang 6T cuối năm sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	0	
	+ Kinh phí đã nhận	0	
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	0	
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
III	NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: chi tiết theo từng nguồn)		
IV	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	255.569.053	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	241.809.403	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	228.049.753	
2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	206.164.762	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	124.845.881	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	43.527.000	
V	MỨC CHI CHO HỌC SINH		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	555.306	

2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	533.005
---	--	---------

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức lối sống

- 100% giáo viên, nhân viên thực hiện tốt các quy định của pháp luật, ngành giáo dục và các cấp quản lý.
- Ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng và thực tốt các quy tắc ứng xử trong trường học.
- Mọi hoạt động trong nhà trường có nề nếp.
- 100% GV, NV tham gia đầy đủ, có hiệu quả các cuộc vận động do ngành giáo dục, các cấp quản lý triển khai. Không có giáo viên vi phạm pháp luật, đạo đức nhà giáo. Thực hiện tốt công tác phòng, chống bạo lực học đường, phòng chống đuối nước.

2. Công tác phổ cập, xây dựng XHHT, khuyến học, khuyến tài

Có đầy đủ hồ sơ PCGD - XMC đầy đủ, đúng quy định, khoa học. Số liệu thống kê PCGD THCS, PCGD TH và nghề chính xác. Hoàn thành hồ sơ phổ cập giáo dục-XMC đúng thời gian quy định. Tổ chức rà soát thu thập thông tin chính xác, đầy đủ, đúng thời gian quy định.

- Kết quả phổ cập: Duy trì tốt tỉ lệ huy động và hiệu quả, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS năm 2024 mức độ 3; đạt chuẩn chuẩn phổ cập giáo dục THPT & Nghề; đạt chuẩn phổ cập giáo dục Xóa mù chữ mức độ 2.

- Tham mưu tốt với địa phương trong việc tổ chức hoạt động có hiệu quả của các tổ chức của Hội Khuyến học, khuyến tài; Đăng kí các danh hiệu học tập: “công dân học tập”; “Cộng đồng học tập”; “Đơn vị học tập”; “Dòng họ học tập”,..

3. Hoạt động của Đội thiếu niên

- Tuyên truyền các ngày lễ lớn trong năm, Tuyên truyền nội quy của nhà trường bảo vệ cây xanh, bảo vệ môi trường, tuyên truyền tháng an toàn giao thông, tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy học đường, gương người tốt việc tốt, phát động các tuần học tốt... thông qua các buổi chào cờ và trên hệ thống loa phát thanh của nhà trường.
- Thực hiện chuyên đề PCCC, phòng chống đuối nước và phòng chống tệ nạn ma túy học đường. Tập huấn an toàn giao thông, Tập huấn chăm sóc sức khoẻ vị thành niên và phòng chống bạo lực học đường.
- Phong trào học và làm theo báo Đội.
- Phát động phong trào mua tăm tre nhận đạo ủng hộ Hội người mù huyện Thủy Nguyên (mỗi em mua 1 gói tăm).
- Phát động phong trào Nuôi lợn siêu trọng trong dịp Tết Nguyên đán năm 2025 trao tặng 34 suất quà cho các bạn có hoàn cảnh khó khăn, nộp về huyện Đoàn và chi các hoạt động của Liên đội.

- Phát động phong trào xây dựng nhà khăn quàng đỏ các lớp đều ủng hộ nhiệt tình.
- Hàng tháng tổ chức kiểm tra ĐDHT của học sinh, kiểm tra sổ theo dõi thi đua của các lớp, tổng hợp điểm theo dõi về nề nếp và học tập có nhận xét, xếp loại từng lớp, khen chê cụ thể bằng điểm số.
- Tổ chức thành công chuyên đề “Xuân gắn kết-Tết yêu thương”
- Đội thiếu niên đã kết hợp với bên chuyên môn của nhà trường tổ chức cho học sinh khối 6,7 học tập trải nghiệm và hướng nghiệp tại các địa chỉ đỏ: K9 - Đá chông; Làng văn hóa 54 dân tộc Việt Nam; khối 8,9 học tập trải nghiệm và hướng nghiệp tại bảo tàng Quân Đội Việt Nam- làng Gióng tại Bản Rõm Sóc Sơn Hà Nội.
- Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn chuyên đề của Đội cấp huyện và cấp thành phố. Tải app hướng nghiệp và áp việc tốt
- 37 HS nghèo nhận quà của Ban đại diện cha mẹ học sinh và cá nhân các nhà hảo tâm
- 34 học sinh nhận quà tết nguyên đán
- 10 HS nhận xe đạp
- 01 học sinh nhận quà tết của huyện đoàn

4. Hoạt động chuyên môn

- Xây dựng, thực hiện KHGD nhà trường và chương trình nhà trường đúng quy định, phù hợp với đặc điểm nhà trường
- Thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng HS.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục STEM trong nhà trường có hiệu quả tốt
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch, hoạt động giáo dục của nhà trường. Cập nhật kết quả kiểm tra, đánh giá kịp thời, đúng quy định vào sổ điểm, học bạ điện tử.
- Phối kết hợp với các trường trong cụm chuyên môn tổ chức thành công chuyên đề cấp thành phố Thủy Nguyên.
- Tổ chức thành công hội khỏe phù đồng cấp trường.

+ Thực hiện các hoạt động giáo dục:

+ Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch giáo dục của nhà trường, các hoạt động giáo dục phù hợp bám sát chương trình GDPT 2018 đáp ứng được yêu cầu đổi mới của giáo dục. Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động chuyên đề nhằm giáo dục kỹ năng sống, phát triển các phẩm chất và năng lực của học sinh.

Cụ thể trong năm học 2024 -2025 đã tổ chức được 6 chuyên đề :

1. An toàn trên không gian mạng
2. Kỹ năng phòng cháy chữa cháy và thoát nạn an toàn
3. An toàn giao thông cùng em đến trường
4. Hành trình về địa chỉ đỏ với chủ đề : Em yêu Tổ Quốc Việt Nam
5. An toàn cho em (Tuyên truyền về ATGT, phòng chống đuối nước, xây dựng tình bạn đẹp)

6. Học sinh tham gia trải nghiệm, thực hành chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại khu vực 5 Hải Phòng.

- Tập huấn giáo viên sử dụng các phần mềm trực tuyến để giảng dạy học sinh. 100% giáo viên tiếp cận và sử dụng tốt các phần mềm trong giảng dạy.
- 100% giáo viên thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường kết quả 100% giáo viên đạt khá, tốt.
- 100% giáo viên được dự giờ, kiểm tra hồ sơ, kế hoạch giảng dạy đều được xếp loại khá và tốt
- 100% Sáng kiến kinh nghiệm được hội đồng thẩm định sáng kiến của huyện công nhận.

5. Kết quả các tổ chức đoàn thể

- Chi bộ hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ
- Công Đoàn hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ
- Liên đội: Xuất sắc cấp huyện; Mạnh cấp Thành Phố
- Nhà trường: Tập thể Lao động tiên tiến.



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Hương